TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2022.
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nga, bà Nguyễn Thị Mai Linh.

Thư ký toà án ghi biên bản: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thanh N;** Sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Tổ 8, phường H, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- *Bị đơn***:** Anh **Bùi Văn T**; Sinh năm 1987;

Nơi ĐKHKTT: Tổ 8, phường H, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở: Xóm My, xã Y, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(Chị N có mặt; Anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thanh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình từ năm 2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T thường

xuyên chơi bời, không chịu lao động, không quan tâm đến gia đình, không phụ giúp chị N chăm lo các con, chị N có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được do không còn tình cảm, nay chị N đề nghị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Có 03 con chung là Bùi Nguyễn Trà V, sinh ngày 07/5/2011; Bùi Nguyễn Thúy T, sinh ngày 12/3/2015; Bùi Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/01/2017. Khi ly hôn, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Quá trình cung cấp chứng cứ, anh Bùi Văn T vắng mặt không đến Tòa làm việc, mặc dù đã được T tập nhiều lần. Tòa án đã tiến hành xác minh và tiến hành lấy lời khai của anh T tại nơi cư trú, anh T trình bày: Anh T đã nhận được giấy T tập của Tòa án nhưng do bận công việc và không đồng ý ly hôn với chị N nên anh không đến Tòa để giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân anh T xác nhận vợ chồng đã sống ly thân, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì thương các con.

- Về con chung: Có 03 con chung là Bùi Nguyễn Trà V, sinh ngày 07/5/2011; Bùi Nguyễn Thúy T, sinh ngày 12/3/2015; Bùi Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/01/2017, trường hợp vợ chồng ly hôn anh đồng ý giao 03 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên những quan điểm đã nêu.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn đã được tống đạt các giấy T tập phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị N ly hôn với anh T. Về con chung: Giao 03 con Bùi Nguyễn Trà V, sinh ngày 07/5/2011; Bùi Nguyễn Thúy T, sinh ngày 12/3/2015 và Bùi Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/01/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Về án phí công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, do đó nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh Bùi Văn T có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại tổ 8, phường H, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, và chỗ ở hiện nay tại: Xóm My, xã Y, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Bị đơn - anh Bùi Văn T đã được tống đạt giấy T tập phiên tòa hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh N và anh Bùi Văn T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, quá trình chung sống có mâu thuẫn trầm trọng, chung sống không hạnh phúc; Hai vợ chồng hiện đã sống ly thân, cuộc sống chung thực tế không tồn tại. Nay chị N xin được ly hôn là phù hợp căn cứ luật định, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị N, anh T có 03 con chung: Bùi Nguyễn Trà V, sinh ngày 07/5/2011; Bùi Nguyễn Thúy T, sinh ngày 12/3/2015; Bùi Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/01/2017. Xét thấy hiện nay 03 con đều đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời anh T cũng có ý kiến đồng ý giao cả 03 con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong trường hợp anh chị ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cả 03 con cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thanh N ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao 03 con Bùi Nguyễn Trà V, sinh ngày 07/5/2011; Bùi Nguyễn Thúy T, sinh ngày 12/3/2015 và Bùi Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 01/01/2017 cho chị Nguyễn Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành. Anh Bùi Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn T có quyền thăm nom con chung, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai số 0001346 ngày 29/3/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Nơi nhận
- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND phường, xã nơi ĐS cư trú;
- UBND phường, xã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận
- *Tòa án ND tỉnh HB*

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *VKSND thành phố HB*
- *UBND phường Thái Bình TP HB*
- *Chi cục THADS thành phố HB*
- *Đương sự*
- *Lưu HS*

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- *Tòa án ND tỉnh HB*

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố HB
- UBND phường Thái Bình TP HB
- Chi cục THADS thành phố HB
- Đương sự
- Lưu HS